

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2024/DS-ST**

Ngày: 08/5/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Lan

Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2023/TLST-DS ngày 15/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 19/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thụy Đông T**; sinh năm 1977

Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1969

Cùng cư trú: Nguyễn Trọng T, phường 8, quận N, thành phố H

Ông Soi bà Tuyên ủy quyền cho bà **Trần Thị Ngọc Như Y**, sinh năm 1992; Nơi cư trú ấp 1, xã P, thành phố BT, tỉnh BT tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề có liên quan. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Lê Tấn D** – luật sư Văn phòng luật sư Lê Tấn D thuộc Đoàn luật sư tỉnh BT. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Tấn Đ**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 1, phường P, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và đại diện nguyên đơn bà Y trình bày:

Vào ngày 24/10/2022 ông S bà T có cho ông Đ vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất 1,6%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích ông Đ nói vay để đầu tư kinh doanh. Việc vay mượn giữa hai bên có lập thành Hợp đồng vay và được công chứng tại Văn phòng công chứng Tín Hữu. Ông S bà T đã giao đủ tiền cho ông Đ ngay sau khi ký hợp đồng. Tuy nhiên kể từ khi vay tiền đến nay mặc dù ông S, bà T nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền gốc và lãi nhưng ông Đ không trả. Nay ông S, bà T yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và phần tiền lãi của số tiền trên từ ngày 24/10/2022 đến ngày 08/5/2024 (18 tháng 14 ngày) với lãi suất 1,6%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.295.467.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Đ đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 13/11/2023 ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thụy Đông T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Tấn Đ trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên. Ông Đ hiện cư trú tại thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo như ông S, bà T trình bày vào ngày 24/10/2022 ông bà có cho ông Đ vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) lãi suất 1,6%/tháng, trong thời hạn 03 tháng nhưng đến nay ông Đ chưa trả. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Ông Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông Đ vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[4] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa, ông S, bà T yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền vốn là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và phần tiền lãi của số tiền trên từ ngày 24/10/2022 đến ngày 08/5/2024 (18 tháng 14 ngày) với lãi suất 1,6%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.295.467.000 đồng.

Xét “*Hợp đồng vay tài*” sản ngày 24/10/2022 thể hiện ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thụy Đông T có cho ông Trần Tấn Đ vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay kinh doanh. Hợp đồng vay này được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tín Hữu. Trong hợp đồng vay thể hiện ông S, bà T đã giao đủ tiền cho ông Đ. Từ đó có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông S, bà T với ông Đ là có thật. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên bà T, ông S khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho ông bà phần nợ trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

Số tiền 1.000.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 24/10/2022 đến ngày 08/5/2024 là (18 tháng 14 ngày) với lãi suất 1,6%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.295.467.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đ phải chịu là 50.864.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thụy Đông T; cụ thể tuyên:

Buộc ông Trần Tấn Đ có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thụy Đông T số tiền là 1.295.467.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.864.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) ông Đ phải nộp. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thụy Đông T số tiền 24.032.000 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000901 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

